

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH
TỈNH HẬU GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 16/2025/HNGĐ-ST
Ngày 18 tháng 3 năm 2025
V/v “Ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH HẬU GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Ngô Huỳnh

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Võ Văn Trường
- Ông Nguyễn Văn Bình

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Thanh Mộng – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Hà - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 3 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang. Tòa án nhân dân huyện Châu Thành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 183/2024/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 12 năm 2024 về tranh chấp “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 09/2024/QĐST - HNGĐ ngày 12 tháng 02 năm 2025 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Trương Thị D, sinh năm 1993 (có mặt)

Trú tại: Số C, khu vực K, phường P, quận C, thành phố Cần Thơ

- Bị đơn: Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1995 (vắng mặt)

Trú tại: ấp Đ, xã Đ, huyện C, tỉnh Hậu Giang

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các lời khai của nguyên đơn chị Trương Thị D trình bày: Chị và anh Nguyễn Văn T tự nguyện tổ chức đám cưới và có đăng ký kết hôn theo quy định. Quá trình chung sống vợ chồng thường xuyên cự cãi, anh T không lo cho gia đình, không có trách nhiệm với vợ con. Do tình cảm không còn chị D yêu cầu ly hôn.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung tên Nguyễn Trương Gia P, sinh ngày 28/5/2021 và Nguyễn Trương Gia N, sinh ngày 09/4/2023, 02 cháu đang sống với chị D. Chị D yêu cầu nuôi con và yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.500.000 đồng cho mỗi người con.

Về tài sản chung và nợ chung: không có

Bị đơn anh Nguyễn Văn T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm: Về phần thủ tục từ khi thụ lý đến khi đưa vụ án ra xét xử và tại phiên tòa hôm nay Hội đồng xét xử thực hiện đúng theo trình tự tố tụng. Người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục: Bị đơn anh Nguyễn Văn T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt. Căn cứ vào Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt bị đơn

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Trương Thị D và anh Nguyễn Văn T tự nguyện tổ chức đám cưới và có đăng ký kết hôn nên được coi là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Theo lời khai của nguyên đơn thì sau khi sống chung vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, anh T không có trách nhiệm với gia đình, vợ chồng thường hay cãi vã. Tòa án đã triệu tập hợp lệ anh T nhưng anh T vẫn không đến Tòa án. Điều đó cho thấy anh T đã bỏ mặc cuộc hôn nhân của anh. Từ những nhận định trên cho thấy chị D, anh T mâu thuẫn đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên chị D yêu cầu ly hôn là có cơ sở để chấp nhận.

[3] Về con chung: Quá trình sống chung chị D và anh T có 02 người con chung tên Nguyễn Trương Gia P, sinh ngày 28/5/2021 và Nguyễn Trương Gia N, sinh ngày 09/4/2023, 02 cháu đang sống với chị D. Qua xem xét tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ thấy rằng từ khi sinh ra đến nay thì 02 cháu Gia P và Gia N sống chung với mẹ, hơn nữa 02 cháu còn nhỏ tuổi. Do đó, để đảm bảo điều kiện phát triển bình thường, khỏe mạnh về thể chất và tinh thần, không làm xáo trộn môi trường sống của con chung, cần ổn định cuộc sống hiện tại cho các cháu. Vì quyền lợi mọi mặt của con chung, nên Hội đồng xét xử giao con chung cho chị D nuôi dưỡng. Chị D yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.500.000 đồng cho mỗi người con. Căn cứ khoản 2 Điều 82 của Luật hôn nhân và gia đình quy định “*Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con*”. Vì vậy anh T phải có nghĩa vụ cấp dưỡng

nuôi con mỗi tháng tương đương một nửa tháng lương tối thiểu vùng tại nơi người cấp dưỡng đang cư trú theo quy định tại khoản 2 Điều 7 của Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao. Tuy nhiên chị D chỉ yêu cầu anh T cấp dưỡng 3.000.000 đồng mỗi tháng cho 02 người con, đây là sự tự định đoạt của chị D nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Không có nên không đặt ra giải quyết.

[5] Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Chị D phải chịu 300.000 đồng. Án phí cấp dưỡng nuôi con anh T phải chịu 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.

Áp dụng Điều 51, Điều 53, Điều 56, Điều 58 và Điều 82 của Luật hôn nhân và gia đình.

Tuyên xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Trương Thị D và anh Nguyễn Văn T được ly hôn.
- Về con chung: Giao cháu Nguyễn Trương Gia P, sinh ngày 28/5/2021 và Nguyễn Trương Gia N, sinh ngày 09/4/2023 cho chị Trương Thị Diệu trực T1 nuôi dưỡng đến khi cháu P, cháu N tròn 18 tuổi. Anh Nguyễn Văn T phải cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng cho mỗi người con là 1.500.000 đồng cho đến khi cháu P, cháu N tròn 18 tuổi. Thời điểm cấp dưỡng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Vì lợi ích của con chung, trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định của pháp luật, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con và việc cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không có nên không đặt ra giải quyết.

Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Chị Trương Thị Diệu P1 chịu là 300.000 đồng, khấu trừ 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí chị D đã đóng theo biên lai số 0003405 ngày 04 tháng 12 năm 2024 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang thành án phí. Chị D đã đóng xong án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Án phí cấp dưỡng nuôi con là 300.000 đồng, anh Nguyễn Văn T phải chịu. Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng, thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Phan Ngô Huỳnh